



Số: 147/BC-TMDK

TP.HCM, ngày 05 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC) NĂM 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước “**Báo cáo thường niên năm 2020**” của Petechim như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY (PETECHIM JSC)**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0305447723.
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 54112323
- Số fax: (84-28) 54112332
- Website: www.petechim.com.vn
- Mã cổ phiếu: PTV
- Sàn giao dịch: UPCOM
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành Dầu khí non trẻ của Việt Nam.
 - Ngày 05/10/1994, Petechim được chuyển giao và trở thành đơn vị trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam) với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trở thành một trong những nhà cung cấp hàng đầu vật tư, máy móc, thiết bị và dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
 - Ngày 27/09/2006, Công ty Thương mại Dầu khí được chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
 - Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim. Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” (tên giao dịch viết tắt là **Petechim Servimex**) trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí và kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.

- Theo tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).
- Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí – Petechim JSC, được kế thừa thương hiệu Petechim của Tổng công ty Thương mại Dầu khí cũng như toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) đến lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành Dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2019 và 2020:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển. Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không. Đại lý bán vé máy bay; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan	5229
3	Đại lý, môi giới, đấu giá - Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (không hoạt động tại trụ sở).	4661

- Địa bàn kinh doanh:

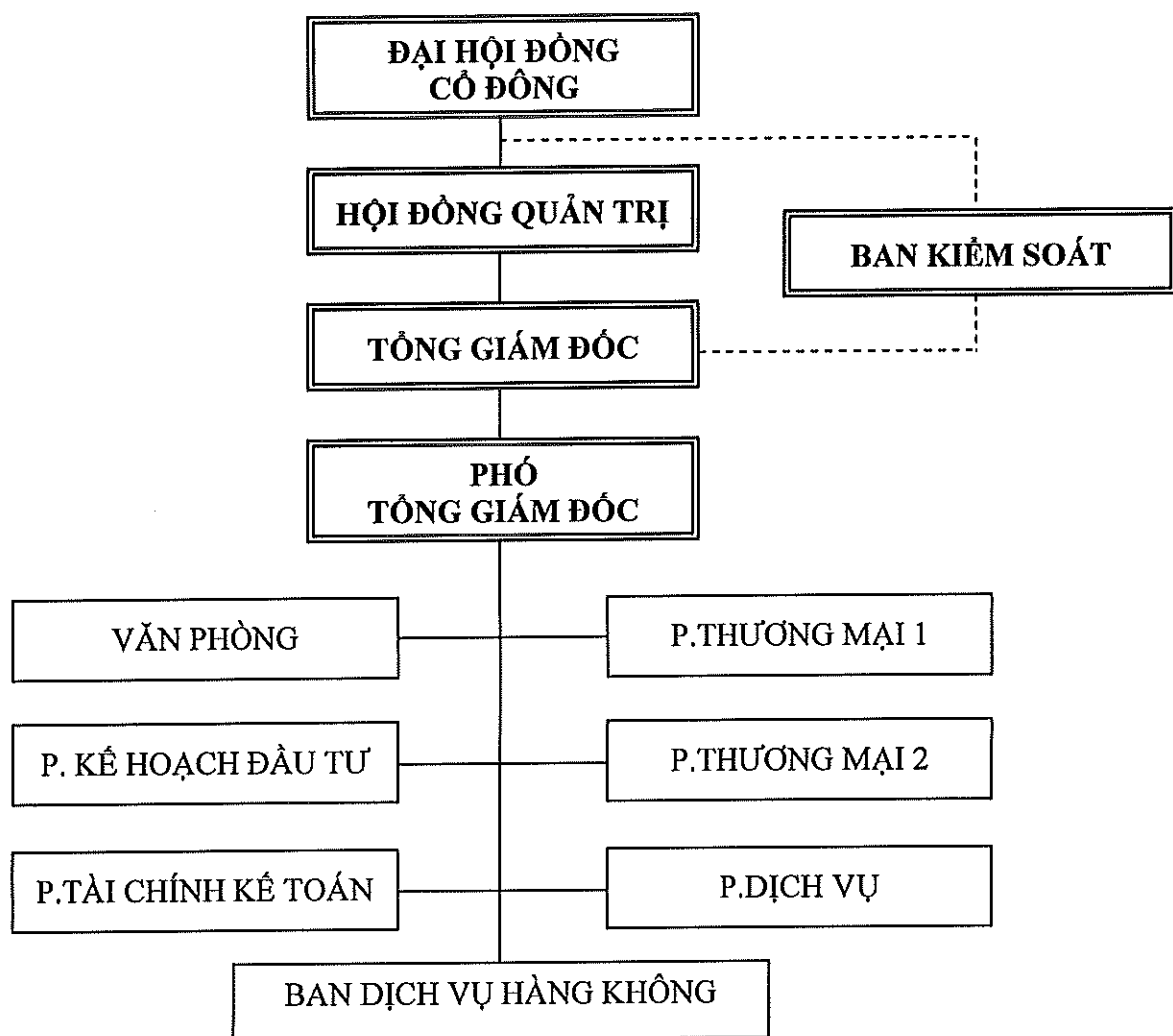
- Trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
- Địa điểm kinh doanh: Lầu 1, 24 Trường Sơn, P.2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết:

• **Công ty con:**

- + Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC)
- + Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

• **Công ty liên kết:**

- + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)
 - + Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)
 - + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)
- (Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)*

4. Định hướng phát triển

Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của các cổ đông lớn với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, đồng thời đa dạng hoá kinh doanh và cung ứng dịch vụ, từng bước xây dựng hoạt động lâu dài/cốt lõi tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.
- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.
- Giá dầu chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh trở lại, làm ảnh hưởng đến các dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thuận lợi:

- Giá trị thương hiệu Petechim trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.

- Sự ủng hộ từ các cổ đông lớn và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng truyền thống.
 - Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, Petechim đã có định hướng mở rộng lĩnh vực hoạt động, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh để tạo bước đột phá cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Khó khăn:
- Hoạt động kinh doanh bị hạn chế đáng kể do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19.
 - Việc tái cơ cấu và mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực kinh doanh mới, trong đó có mảng logistics, dịch vụ hàng không cần thời gian để hoàn thiện và phát huy tác dụng.
 - Mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, với năng lực cạnh tranh và hạn chế về nguồn lực tài chính.
- Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2020 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% so với KH năm 2020
1	Doanh thu BH&CCDV	684.000.000.000	409.009.422.872	59,79%
2	Tổng chi phí	674.262.500.000	408,740,199,621	64,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	9.737.500.000	269.223.251	2,76%
4	Lợi nhuận sau thuế	7.750.000.000	(780.041.043)	-

(Số liệu tính đến hết 31/12/2020 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2020)

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

- Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 20 – 11 – 1970
Số CCCD: 023668904 cấp ngày 30 – 7 – 2011 tại Tp. Hồ Chí Minh.
Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng Giám đốc.
Sinh ngày: 13 – 09 – 1963.
Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.
Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển
- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng
Sinh ngày: 27 – 02 – 1982
Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2020: 120 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).
- Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đúng đối tượng;
- Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động tương ứng với vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.
- Người lao động ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm;

- Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp y tế, lao động nữ nghỉ thai sản; ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Tính đến 31/12/2020, tổng giá trị đầu tư góp vốn của Công ty Petechim là 56.160 triệu đồng.

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên Công ty	Các chỉ tiêu				
		Vốn ĐL	Petechim SH	Tỷ lệ SH	DT 2020	LNST 2020
I	Công ty con					
1	Công ty CP Thương mại Năng lượng Xanh	20.000,00	10.200,00	51%	108.244,04	-1.881,99
2	Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	42.352,90	21.960,00	51,85%	92.985,34	3.389,93
II	Công ty liên kết					
1	Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn	200.000,00	11.000,00	5,5%	2.624.590,51	1.979,22
2	Công ty CP SX & Chế biến DK Phú Mỹ	500.000,00	10.000,00	2%	34.216,69	117,74
3	Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung	140.000,00	3.000,00	2,14%	2.159.724,19	223,27

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Tổng giá trị tài sản	423.607.279.289	463.438.575.042
Doanh thu thuần	409.009.422.872	616.958.452.347
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	130.025.667	5.930.968.366
Lợi nhuận khác	139.197.584	214.842.320
Lợi nhuận trước thuế	269.223.251	6.145.810.686
Lợi nhuận sau thuế	-780.041.043	4.146.224.707
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2020	2019
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
HS thanh toán nhanh	1,83	2,15
HS thanh toán hiện thời	2,09	2,17
Chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	42,42	46,58
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	73,68	87,19
Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	1,95	2,94
Kỳ thu tiền bình quân	187	124
Số vòng quay hàng tồn kho	12,39	14,02
Số ngày tồn kho	29	26
Khả năng sinh lời		
LN góp biên = Lợi nhuận góp /doanh thu thuần	8,00	7,02
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	-0,19	0,67

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 20.000.000 Cổ phần

- Mệnh giá cổ phần phổ thông: 10.000 đồng/CP.
- Cơ cấu cổ đông:

Stt	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
I	Theo tỷ lệ sở hữu	2.851	20.000.000	100%
1	Cổ đông lớn	4	16.000.000	80,00%
2	Cổ đông nhỏ	2.847	4.000.000	20,00%
II	Theo tổ chức, cá nhân	2.851	20.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	7	12.899.050	64,50%
2	Cổ đông cá nhân	2.844	7.100.950	35,50%
III	Theo trong, ngoài nước	2.851	20.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	2.851	20.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
IV	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	2.851	20.000.000	100%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 22/03/2021 do VSD cấp

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
- Tiêu thụ năng lượng: Công ty hoạt động chính tại Trụ sở nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện phục vụ cho văn phòng với mức sử dụng không đáng kể.
- Tiêu thụ nước: Không sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ sử dụng cho sinh hoạt với mức tiêu thụ không đáng kể.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tuân thủ đầy đủ luật pháp và các quy định về môi trường, không xảy ra bất cứ vụ việc vi phạm nào. Công ty đã và đang duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Chính sách liên quan đến người lao động
 - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động là 120 người; mức lương trung bình là 12 triệu đồng/người/tháng.
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao động và các chính sách về an toàn, bảo hiểm... nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động. Công ty đã và đang duy trì hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018.
 - Hoạt động đào tạo người lao động: Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo khi được tuyển dụng theo hướng kèm cặp trực tiếp.
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai trong năm, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ tự kỷ và khuyết tật...
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, gây tác động kép tới cả 2 lĩnh vực then chốt của Công ty là dầu khí và hàng không. Petechim phải cạnh tranh gay gắt hơn trong bối cảnh hạn chế về nguồn lực, hoạt động khai thác dịch vụ vận chuyển hàng không bị gián đoạn, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả chung của năm 2020. Tuy nhiên Công ty vẫn nỗ lực để đảm bảo duy trì kết quả kinh doanh và có lợi nhuận. Công ty đã tham gia đấu thầu đều đặn và ký mới được một số HĐ trong lĩnh vực dầu khí. Tiếp tục duy trì dịch vụ hàng không. Ký kết và thực hiện các HĐ ngoài ngành dầu khí. Ký kết các thoả thuận hợp tác với các đối tác lớn để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tăng trưởng:
- Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid-19.
 - Doanh thu Công ty năm 2020 giảm 33,71% so với năm 2019. Trong đó doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ giảm 5,44% và doanh thu cung cấp chất phụ gia xăng dầu giảm 63,78% so với cùng kì.
 - Quy mô tổng tài sản giảm 2,93%, không đáng kể so với năm 2019, chỉ tiêu các khoản phải thu giảm 1,11% so với cùng kì.
- Tình hình thanh khoản:
Hệ số thanh toán ngắn hạn là 2,09 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp, hệ số thanh toán nhanh cũng ở mức tương tự trong khoảng 1,83, thể hiện Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kì kinh doanh).
- Năng lực hoạt động: Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân cao hơn và số ngày tồn kho thấp hơn so với cùng kì. Cụ thể:
 - Số ngày phải thu đang ở mức 187,21 ngày tăng 63 ngày so với năm 2019 và Công ty đang điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp cho từng đối tác nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ một cách nhanh nhất.
 - Chỉ tiêu số ngày tồn kho tăng không đáng kể tăng 3 ngày so với cùng kỳ
 - Khả năng sinh lời: Lợi nhuận gộp biên năm 2020 tăng 0,98% so với năm 2019. Tỷ trọng giá vốn/doanh thu giảm không đáng kể từ 0,93% xuống còn 0,92%. Điều này có thể giải thích do tính cạnh tranh của thị trường ngày càng cao, dẫn đến các doanh nghiệp phải giảm giá để trúng thầu.
- Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2020 giảm 23,9%, tỷ lệ chi phí/doanh thu tăng 14,78% so với cùng kì. Trong năm 2020 công ty vẫn duy trì chủ trương “thắt lưng, buộc bụng”, đẩy mạnh tiết kiệm và tiết giảm chi phí.
- Đòn bẩy tài chính: Trong năm 2020, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế của đòn bẩy nợ tài chính thông qua các kênh:
 - Vay từ ngân hàng là các khoản vay có kỳ hạn ngắn (3 tháng; 6 tháng) với mức lãi suất từ 7,5% – 8,3%/năm.
 - Tăng cường sử dụng vốn từ khách hàng, giãn hạn thanh toán hơn trước, số ngày trả tiền bình quân tăng lên 185 ngày so với 152 ngày trong năm 2019.

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019	So sánh
Vòng quay khoản phải trả	Lần/Vòng	1,95	2,40	Giảm 0,27 vòng
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	185	152	Tăng 33 ngày

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn SKNN và Môi trường. Tiếp tục duy trì mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra “*Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường*”.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Về hoạt động kinh doanh:

- Tập trung đầu tư nguồn lực, phối hợp chặt chẽ để thực hiện thành công các HĐ đã ký, tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động cốt lõi của Petechim trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.
- Thắt chặt quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đẩy mạnh liên doanh, liên kết để gia tăng năng lực cạnh tranh trong công tác thương mại đấu thầu, bám sát các dự án/khách hàng nhằm tìm việc và ký kết được các HĐ cả trong và ngoài ngành Dầu khí.
- Về hoạt động tiếp thị và phát triển thị trường:
 - Nghiên cứu cơ hội hợp tác kinh doanh với các đơn vị thuộc nhóm cổ đông lớn và các công ty con để tạo ra chuỗi giá trị gia tăng trong toàn hệ sinh thái chung.
 - Bổ sung nhân sự có năng lực và kinh nghiệm trong công tác tiếp thị và phát triển thị trường mới, Chú trọng công tác marketing, tìm kiếm và nắm bắt các cơ hội khả thi để quyết tâm tái cơ cấu hoạt động SXKD nhằm gia tăng thu thập, bổ trợ thêm cho hoạt động thương mại truyền thống.
- Về công tác quản lý:
 - Trong quản lý tài chính, đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD:
 - + Tiếp tục rà soát để cắt giảm chi phí quản lý và tiết kiệm chi tiêu.
 - + Có biện pháp phòng ngừa rủi ro tài chính, duy trì hạn mức tín dụng ngân hàng để đảm bảo vốn SXKD.
 - + Phối hợp chặt chẽ với các khách hàng/đối tác lớn để nâng cao hiệu quả công tác quản lý dự án nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế các rủi ro phát sinh và tiết kiệm chi phí, gia tăng lợi nhuận.
 - Trong tổ chức và quản lý nhân sự:
 - + Hoàn thiện công cụ KPI để quản lý, đánh giá hiệu quả làm việc của CBNV.
 - + Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh giản và chú trọng về chất, đầu tư cho đội ngũ kỹ thuật để phục vụ định hướng phát triển mảng đại lý/nhà phân phối cho các hãng lớn, gia tăng hàm lượng chất xám và giá trị dịch vụ cho sản phẩm thương mại của Petechim.
 - + Nâng cao tinh thần trách nhiệm từ lãnh đạo cấp cao nhất đến từng nhân viên, lan toả năng lượng tích cực và truyền nhiệt huyết trong cả tập thể, cải tiến quy chế lương/thưởng để thu hút nhân sự chất lượng cao, xây dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp, đoàn kết và hiệu quả.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Chi tiết xin xem các công văn số 102/TMDK-TCKT và 103/TMDK-TCKT ngày 09/3/2021 của Công ty Petechim gửi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH của Công ty:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Như đã phân tích ở trên, mức tiêu thụ năng lượng, nước tại trụ sở của Công ty tương đối ít, song song đó lượng chất thải hàng ngày chủ yếu là rác thải sinh hoạt nên không tác động đáng kể đến môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động được Công ty áp dụng đầy đủ các chính sách bảo hiểm, an toàn, phúc lợi.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tham gia đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương bằng việc đóng góp các quỹ theo quy định cũng như tích cực trong các hoạt động ủng hộ, thiện nguyện vì cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2020, Công ty Petechim nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các cổ đông lớn, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, các nhà máy lọc dầu, đạm và nhà máy điện trong ngành dầu khí.
- Năm 2020 Petechim tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn khi hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty phải đối mặt với các khó khăn, thách thức:

- Giá dầu thế giới đã được cải thiện song vẫn ở mức thấp, vẫn chưa ổn định, do vậy các hoạt động đầu tư chưa phục hồi, các dự án mới bị hoãn hoặc chậm triển khai, quy mô đầu tư và hoạt động mua sắm thường xuyên của các khách hàng truyền thống đều bị cắt giảm tới mức tối đa.
- Cạnh tranh khốc liệt trên thị trường dịch vụ và thương mại nói chung, dầu khí nói riêng.
- Trước thực tiễn nêu trên, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng:
 - Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm, các loại hình dịch vụ dầu khí cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ khâu đầu đến khâu sau và các nhà thầu dầu khí nước ngoài khác; Bám sát các khách hàng chiến lược trong ngành Dầu khí và phát huy thế mạnh truyền thống với mục tiêu giành được hợp đồng/ dự án.
 - Tăng cường việc hợp tác với các Nhà sản xuất/nhà cung cấp tiềm năng, tận dụng thế mạnh của đối tác, đẩy mạnh hiệu quả việc xây dựng quan hệ đối tác – khách hàng để gia tăng năng lực cạnh tranh và cơ hội thành công trong công tác đấu thầu.
 - Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông lớn.
 - Thu xếp vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD, có các phương án phù hợp để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng phục vụ hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C,...
 - Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ cho SXKD.
 - Quản lý chặt chẽ dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho các HĐ/DA.
 - Kiểm soát và thực hiện tiết giảm tối đa tất cả các chi phí: chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng, kể cả giá vốn bán hàng để giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh trong đấu thầu và nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.
 - Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được triển khai thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty;
- 2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty**
 HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.
 - Về hoạt động quản trị Công ty: Trong năm 2020, Ban điều hành Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty. Cụ thể như sau:
 - Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn Công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
 - Tổng Giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
 - Thực hiện chủ trương của HĐQT, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định để công tác quản trị Công ty được sâu sát, hiệu quả;
 - Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2020 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
 - Công tác nhân sự, đào tạo, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
 - Về hoạt động kinh doanh:
 - Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng và kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT.
 - Dưới sự điều hành quyết liệt của Ban TGD, Công ty đã có những chuyển biến lớn về kết quả kinh doanh và tài chính năm 2020.
- 3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- **Mục tiêu chiến lược:** Nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả hoạt động và việc tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, người lao động làm mục tiêu hoạt động.
- **Định hướng chiến lược:** Tập trung vào 02 lĩnh vực chính gồm: Dầu khí – Năng lượng và dịch vụ Logistics với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty.
- **Các nhiệm vụ cụ thể:**

Kế hoạch riêng Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	320.000.000.000
2	Tổng chi phí	316.500.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.500.000.000
4	Thuế TNDN (20%)	0
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.500.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	0%
7	Nộp ngân sách Nhà nước	9.000.000.000
8	Thu nhập bình quân tháng của người lao động	12.000.000

Kế hoạch hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	410.000.000.000
2	Tổng chi phí	402.125.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	7.875.000.000
4	Thuế TNDN (20%)	875.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.000.000.000
6	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	

- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các định hướng kinh doanh:
 - + Tập trung hoàn thành tốt nhất các HĐ/DA đang thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim.
 - + Quyết liệt trong tiếp thị, đấu thầu các hợp đồng/dự án mới đối với thị trường, khách hàng truyền thống; đồng thời mở rộng thị trường, đa dạng hóa kinh doanh, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để có nhiều hợp đồng tạo doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và cho phát triển lâu dài.
 - + Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các cổ đông lớn.
- Đảm bảo nguồn vốn & tín dụng cho hoạt động SXKD, tăng cường quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí, đặc biệt chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và hiệu quả SXKD của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Trần Đức Chính	CT HĐQT	4,620,000	23,1%
2	Ông Trần Hoài Nam	TV HĐQT	1,100,000	5,5%
3	Ông Đỗ Quang Thuận	TV HĐQT	0	0%
4	Ông Võ Khánh Hưng	TV HĐQT	5,800,000	29%
5	Ông Hoàng Dương	TV HĐQT	0	0%

1.2. Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2020

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian làm việc	Lý do
1	Ông Hoàng Dương	TV HĐQT	23/4/2018-1/10/2020	Nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí
2	Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng BKS	27/6/2020	Tham gia BKS theo Nghị quyết số 24/NQ-TMDK ngày 27/6/2020

1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Đức Chính	8/8	100%	
2	Ông Trần Hoài Nam	8/8	100%	
3	Ông Đỗ Quang Thuận	8/8	100%	
4	Ông Võ Khánh Hưng	7/8	87,5%	Đi công tác
5	Ông Hoàng Dương	6/8	75%	Đi công tác

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Ban hành 4 Nghị quyết và 2 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Stt	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng BKS	0	0%
2	Ông Huỳnh Minh Triết	TV BKS	0	0%
3	Bà Lê Thu Hương	TV BKS	0	0%

2.2. Hoạt động Ban kiểm soát

2.2.1. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ /tham dự /họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thu Hương	3/3	100%	100%	
2	Ông Huỳnh Minh Triết	3/3	100%	100%	
3	Bà Lê Thu Hương	3/3	100%	100%	

2.2.2. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ đúng quy định trong Điều lệ Công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2020, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và báo cáo tài chính năm 2020.
- Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất kiến nghị và giải pháp phù hợp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

3.1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đối với báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của Công ty Petechim:

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/ 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2020” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- HĐQT, NTKN (03b)

Đính kèm:

- Phụ lục số 01;
- BCTC riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Báo cáo số 147/BC-TMDK, ngày 05/4/2021)

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC) (Địa chỉ: 1125 Đường 30/4, Phường 11, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%
2	Công ty con	CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC) (Tầng 17 Tòa nhà ICON4, 243A Đường Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội)	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Sửa chữa thiết bị điện. Lắp đặt hệ thống điện. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện. Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera). Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	21,960,000,000	51.85%



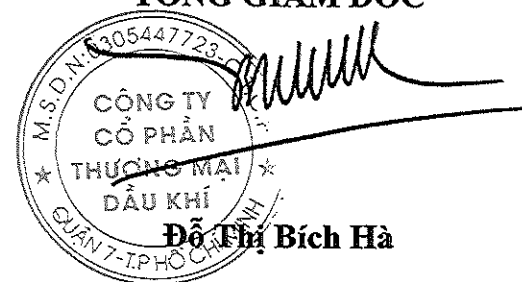
STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			cho phép), chuyên giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thăm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.		
3	Công ty liên kết	CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ (PVLSC) (Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)	Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trọ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống: nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tin học, dịch vụ internet; Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm	2,500,000,000	8.33%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			<p>định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt là; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các cơ sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế.</p>		
4	Công ty liên kết	<p>CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN (PVOil Sài Gòn) (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)</p>	<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn</p>	11,000,000,000	5.50%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.		
5	Công ty liên kết	CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PVOil Phú Mỹ) (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	Bán buôn/bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanoil fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.	10,000,000,000	2.00%
6	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PVOil Miền Trung) (Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng	3,000,000,000	2.14%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			trong nông nghiệp và hóa chất cảm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).		

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá; thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Môi giới hàng hải;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Đại lý vận tải biển;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, giám sát thi công);
- Tư vấn đầu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gôm, sứ thủy tinh, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;
- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn – nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

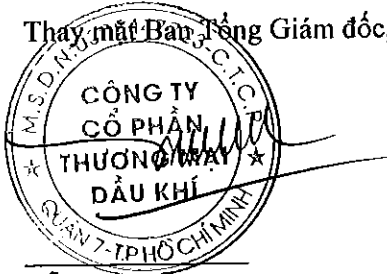
0044
CÔNG
H NHIỆ
TOÁN
A &
H-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0293/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 33.345.000.000 VND đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 16 tháng 3 năm 2020 với ý kiến ngoại trừ về lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, tính đúng kỳ của chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển và dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty con.



Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.081.084.515	233.479.266.227
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.104.341.981	28.403.922.698
1. Tiền	111		22.629.246.638	7.927.257.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.475.095.343	20.476.664.831
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.486.290.756	55.067.413.578
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	37.027.459.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(272.779.622)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	24.486.290.756	18.312.733.578
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.749.750.256	144.290.739.300
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.066.403.613	139.997.802.439
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.376.884.305	17.836.263.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.756.882.221	1.172.599.517
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.450.419.883)	(14.715.926.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		57.591.572	5.603.643.587
1. Hàng tồn kho	141	V.7	57.591.572	5.603.643.587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		683.109.950	113.547.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		683.109.950	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	113.547.064
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.162.243.274	106.893.475.780
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	10.631.669.900
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000	10.631.669.900
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.892.901.157	39.987.468.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	36.811.950.504	37.892.551.006
- Nguyên giá	222		50.030.779.912	50.030.779.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.218.829.408)	(12.138.228.906)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.080.950.653	2.094.917.105
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(253.522.007)	(239.555.555)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.486.687.800	55.486.687.800
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	31.486.687.800	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	-	2.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	(2.500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		747.654.317	787.649.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	747.654.317	787.649.969
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		306.243.327.789	340.372.742.007

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.311.997.965	137.907.912.777
I. Nợ ngắn hạn	310		82.057.150.065	97.518.547.077
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a, c	62.248.333.747	65.401.921.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.430.000.000	10.065.586.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	181.768.558	1.088.889.518
4. Phải trả người lao động	314		7.415.039	3.104.070.961
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.704.416.820	5.487.833.380
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	648.277.231
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.417.044.564	11.653.796.109
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.171.337	68.171.337
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.254.847.900	40.389.365.700
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b, c	21.254.847.900	25.119.365.700
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	15.270.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

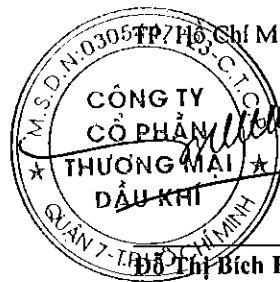
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202.931.329.824	202.464.829.230
I. Vốn chủ sở hữu	410		202.931.329.824	202.464.829.230
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17a,b,c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17a	35.005.342.627	35.005.342.627
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17a	(32.074.012.803)	(32.540.513.397)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(32.540.513.397)	(32.540.513.397)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		466.500.594	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		306.243.327.789	340.372.742.007



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	211.136.859.656	249.763.896.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		211.136.859.656	249.763.896.313
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	196.358.914.702	231.158.097.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.777.944.954	18.605.799.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.398.617.391	4.644.267.052
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.182.990.609	(4.077.582.764)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		477.024.508	197.273.357
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.631.345.520	12.201.067.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.270.121.413	14.137.409.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.092.104.803	989.172.589
11. Thu nhập khác	31		76.857.080	2.054.143.214
12. Chi phí khác	32		563.501.691	764.169.652
13. Lợi nhuận khác	40		(486.644.611)	1.289.973.562
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		605.460.192	2.279.146.151
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	138.959.598	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		466.500.594	2.279.146.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7		


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		605.460.192	2.279.146.151
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	1.094.566.954	1.104.693.804
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 2c, 6	(8.038.286.095)	(3.980.732.711)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.376.630.001	(19.998.442)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.374.846.148)	(4.987.582.766)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	477.024.508	197.273.357
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.859.450.588)	(5.407.200.607)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.835.545.688	(52.075.281.168)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.546.052.015	(151.756.844)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.027.316.341)	23.745.956.007
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		39.995.652	(31.234.874)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		37.027.459.622	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(477.024.508)	(197.273.357)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(25.412.534)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.059.849.006	(34.116.790.843)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.173.557.178)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.124.271.592)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c	1	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	4.872.275.977	4.811.006.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.301.281.200)	4.136.734.961

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

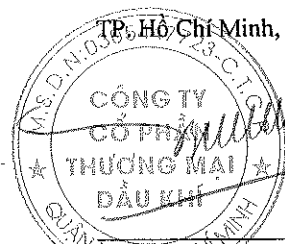
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	14.886.789.436	4.097.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(14.886.789.436)	(4.097.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(64.069.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(64.069.000)</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.694.498.806	(29.980.055.882)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	28.403.922.698	58.386.414.836
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.920.477	(2.436.256)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	52.104.341.981	28.403.922.698

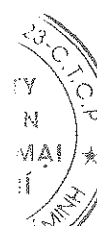
Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Ô 1, ấp Bắc, xã Hòa Long, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh hóa chất, phụ gia xăng dầu	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	51,85%	51,85%	51,85%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 62 nhân viên).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có chi phí kinh doanh dịch vụ dở dang. Chi phí kinh doanh dịch vụ dở dang của Công ty chủ yếu là các hợp đồng cung cấp thiết bị vật tư cho các công trình dầu khí và các kho xăng dầu chưa hoàn thành.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí sửa chữa bảo trì, chi phí công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì phản ánh khoản chi phí phục vụ cho việc bảo trì tầng 11 tòa nhà đang thuê, khoản chi phí này được phân bổ theo thời gian thuê với thời hạn còn lại là 38 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất ở Cà Mau. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (549 tháng).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lô đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	168.191.790	123.330.385
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.461.054.848	7.803.927.482
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	29.475.095.343	20.476.664.831
Cộng	52.104.341.981	28.403.922.698

⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3% - 4,0%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 24.036.890.586 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.16).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (VJC)	-	-	-	37.027.459.622	36.754.680.000	(272.779.622)
Cộng	-	-	-	37.027.459.622	36.754.680.000	(272.779.622)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	272.779.622	6.859.459.622
Hoàn nhập dự phòng	(272.779.622)	(6.586.680.000)
Số cuối năm	-	272.779.622

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 - 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với lãi suất từ 4,0% - 5,8%/năm.

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi với số tiền là 7.856.306.563 VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	31.486.687.800	-	-	31.486.687.800	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	-	-	9.526.687.800	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	21.960.000.000	-	19.983.600.000	21.960.000.000	-	20.862.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	-	-	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Cộng	55.486.687.800	-	-	57.986.687.800	(2.500.000.000)	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim hiện không còn là công ty liên kết của Công ty do Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty trong công ty này cho Ông Vũ Hoàng Minh với giá 1 VND. Các công ty con vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.500.000.000	2.202.544.541
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(2.500.000.000)	297.455.459
Số cuối năm	-	2.500.000.000

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Công ty có các giao dịch với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh		
Bán hàng hóa	3.342.370.000	12.002.513.990
Phí thuê kho	14.448.611	-
Cổ tức	1.639.288.192	973.972.031
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí		
Nhận cổ tức	878.000.000	439.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	84.190.000	319.948.271
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.387.278.531	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	12.715.994.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	12.296.957.400	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	33.245.000.000	33.245.000.000
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	-	17.797.336.113
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	1.121.695.265	13.865.116.682
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	2.393.133.694	37.497.230.811
Các khách hàng khác	21.822.154.227	37.173.170.562
Cộng	111.066.403.613	139.997.802.439

⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	9.075.761.748	5.444.529.678
Công ty TNHH Năng lượng NMT	4.042.469.344	3.923.502.100
Các nhà cung cấp khác	485.597.146	695.175.855
Cộng	21.376.884.305	17.836.263.700

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	878.000.000	-	464.200.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin viễn thông và Tự động hoá Dầu khí - phải thu cổ tức	878.000.000	-	439.200.000	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - phải thu ký quỹ	-	-	25.000.000	-
Các khoản phải thu khác	9.878.882.221	-	708.399.517	-
Các khoản ký quỹ	8.332.002.530	-	93.700.000	-
Lãi dự thu	500.072.749	-	436.302.578	-
Phải thu khác	1.046.806.942	-	178.396.939	-
Cộng	10.756.882.221	-	1.172.599.517	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo - ký quỹ hợp đồng làm tổng đại lý hàng hóa	-	-	10.500.000.000	-
Các khoản ký quỹ khác	35.000.000	-	131.669.900	-
Cộng	35.000.000	-	10.631.669.900	-

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.673.326	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bê Chứa Dầu Khí	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.298.994	7.589.698	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.298.994	12.649.488
	Trên 3 năm	894.869.317	-	Trên 3 năm	894.869.317	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí		-	-	Trên 3 năm	5.724.950.840	425.077.308
Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	98.129.900	68.690.930		-	-
Cộng		42.771.700.511	33.321.280.628		48.398.653.152	33.682.726.796

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.715.926.356	12.407.434.526
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(5.265.506.473)	2.308.491.830
Số cuối năm	9.450.419.883	14.715.926.356

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí dở dang cho các công trình:				
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh	-	-	283.897.470	-
- Dịch vụ hàng không	-	-	2.124.200.000	-
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	-	-	1.045.454.545	-
- Cung cấp thiết bị Booster Compressor Package	-	-	2.092.500.000	-
- Dự án Nhơn Trạch 2	-	-	-	-
- Các dự án khác	57.591.572	-	57.591.572	-
Cộng	57.591.572	-	5.603.643.587	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	50.030.779.912
Số cuối năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	50.030.779.912
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	5.272.637.392
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.768.780.063	1.584.683.512	1.728.850.583	55.914.748	12.138.228.906
Khấu hao trong năm	973.003.104	107.597.398	-	-	1.080.600.502
Số cuối năm	9.741.783.167	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	13.218.829.408
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.784.953.608	107.597.398	-	-	37.892.551.006
Số cuối năm	36.811.950.504	-	-	-	36.811.950.504
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
Số cuối năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	85.082.895	154.472.660	239.555.555
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	13.966.452
Số cuối năm	99.049.347	154.472.660	253.522.007
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.094.917.105	-	2.094.917.105
Số cuối năm	2.080.950.653	-	2.080.950.653
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	60.172.681	61.637.618
Chi phí sửa chữa, bảo trì	653.598.131	673.455.337
Chi phí công cụ, dụng cụ	33.883.505	52.557.014
Cộng	747.654.317	787.649.969

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	3.864.517.800	7.914.512.516
Technical America Inc.	12.465.460.000	21.641.040.000
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	-	25.612.598.314
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	-	4.648.222.610
Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	12.210.367.206	-
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech	5.922.503.254	-
SJ Solar + Storage Pte., Ltd.	26.012.428.128	-
Các nhà cung cấp khác	1.773.057.359	5.585.548.239
Cộng	<u>62.248.333.747</u>	<u>65.401.921.679</u>

11b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.864.517.800	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	15.458.071.200	15.458.071.200
Trên 5 năm	5.796.776.700	9.661.294.500
Cộng	<u>25.119.365.700</u>	<u>28.983.883.500</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	<u>21.254.847.900</u>	<u>25.119.365.700</u>

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	9.430.000.000	5.658.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	-	4.380.101.000
Các khách hàng khác	-	27.485.862
Cộng	9.430.000.000	10.065.586.862

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	300.291.713	-	731.009.661	(1.031.301.374)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.987.619.567	(2.987.619.567)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	602.188.167	(602.188.167)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	113.547.064	138.959.598	(25.412.534)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	788.597.805	-	435.128.840	(1.041.958.087)	181.768.558	-
Các loại thuế khác	-	-	287.184.014	(287.184.014)	-	-
Cộng	1.088.889.518	113.547.064	5.182.089.847	(5.975.663.743)	181.768.558	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	605.460.192	2.279.146.151
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	456.864.223	174.092.590
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.892.630.535)	(1.799.572.671)
Thu nhập chịu thuế	(1.830.306.120)	653.666.070
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(653.666.070)
Thu nhập tính thuế	(1.830.306.120)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	138.959.598	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	138.959.598	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí mua hóa chất Kim Nguru	-	1.006.348.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	732.152.964	-
Hợp đồng điện lực Cà Mau	-	3.566.820.000
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	209.610.000
Chi phí phải trả khác	382.817.376	325.218.100
Cộng	1.704.416.820	5.487.833.380

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) - lãi trả chậm	2.648.683.387	3.779.787.335
Cổ tức phải trả	4.998.149.450	5.062.218.450
Kinh phí công đoàn	50.813.506	212.363.494
Bảo hiểm xã hội	-	404.270.544
Bảo hiểm y tế	-	44.237.616
Bảo hiểm thất nghiệp	-	23.977.750
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo - phải trả cước vận chuyển hàng hóa	-	2.124.200.000
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	650.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.398.221	2.740.920
Cộng	8.417.044.564	11.653.796.109

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn

Trong năm Công ty vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động và đã tất toán các khoản vay này vào cuối năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.1 và V.2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	14.886.789.436
Số tiền vay đã trả	(14.886.789.436)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(34.819.659.548)	200.185.683.079
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.279.146.151	2.279.146.151
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.540.513.397)	202.464.829.230
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.540.513.397)	202.464.829.230
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	466.500.594	466.500.594
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.074.012.803)	202.931.329.824

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	40.000.000.000	20,0	40.000.000.000	20,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	12.673,57	17.964,59
Euro (EUR)	3.231,98	3.231,86

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	131.219.799.236	155.780.771.328
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.040.562.546	91.106.627.103
Doanh thu cho thuê	2.876.497.874	2.876.497.882
Cộng	211.136.859.656	249.763.896.313

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Dầu Việt Nam với số tiền là 679.000.000 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	119.673.824.391	146.751.945.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	76.685.090.311	84.406.151.526
Cộng	196.358.914.702	231.158.097.185

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.487.557.956	2.738.010.095
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.887.288.192	1.799.572.671
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.010.865	86.685.843
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.998.443
Doanh thu khác	3.760.378	-
Cộng	5.398.617.391	4.644.267.052

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	477.024.508	197.273.357
Lãi trả chậm	1.526.510.447	1.803.874.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	75.605.276	209.331.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.376.630.001	1.162.393
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(272.779.623)	(6.289.224.541)
Cộng	3.182.990.609	(4.077.582.764)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.946.564.627	7.829.426.450
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.401.668	600.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.133.976	621.015.103
Các chi phí khác	2.645.245.249	3.750.025.257
Cộng	<u>10.631.345.520</u>	<u>12.201.067.227</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.173.108.732	5.943.015.774
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.129.048	22.720.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.094.566.954	1.104.693.804
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(5.265.506.473)	2.308.491.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.884.836.936	2.022.839.201
Các chi phí khác	3.346.986.216	2.735.648.219
Cộng	<u>5.270.121.413</u>	<u>14.137.409.128</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí mua hàng hóa	133.608.652.512	146.808.342.923
Chi phí nhân công	11.119.673.359	13.772.442.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.094.566.954	1.104.693.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.808.228.593	86.345.973.333
Chi phí khác	765.255.708	9.890.198.564
Cộng	<u>226.396.377.126</u>	<u>257.921.650.848</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã trả nợ mua tài sản cố định bằng cách căn trừ công nợ phải trả tiền mua tài sản cố định với khoản phải thu trị giá 4.049.994.716 VND (năm trước là 6.842.368.227 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 850.780.000 VND (năm trước là 630.586.134 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c và giao dịch bán hàng cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	3.218.181.818	11.551.818.182
Lãi trả chậm	1.526.510.447	2.250.045.891

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.11a, V.11b và V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

2a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.104.341.981	-	52.104.341.981
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.486.290.756	-	24.486.290.756
Phải thu khách hàng	68.294.703.102	42.771.700.511	111.066.403.613
Các khoản phải thu khác	2.424.879.691	-	2.424.879.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	171.310.215.530	42.771.700.511	214.081.916.041
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.403.922.698	-	28.403.922.698
Chứng khoán kinh doanh	37.027.459.622	-	37.027.459.622
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.312.733.578	-	18.312.733.578
Phải thu khách hàng	91.599.149.287	48.398.653.152	139.997.802.439
Các khoản phải thu khác	1.053.899.517	-	1.053.899.517
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	200.397.164.702	48.398.653.152	248.795.817.854

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	62.248.333.747	15.458.071.200	5.796.776.700	83.503.181.647
Các khoản phải trả khác	10.001.249.657	-	-	10.001.249.657
Cộng	72.249.583.404	15.458.071.200	5.796.776.700	93.504.431.304
Số đầu năm				
Phải trả người bán	65.401.921.679	15.458.071.200	9.661.294.500	90.521.287.379
Các khoản phải trả khác	14.329.839.165	-	-	14.329.839.165
Cộng	79.731.760.844	15.458.071.200	9.661.294.500	104.851.126.544

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

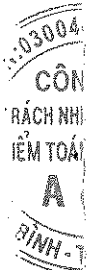
Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.673,57	17.964,59
Phải thu khách hàng	22.439,00	54.394,50
Phải trả người bán	(541.172,50)	(932.000,00)
Tài sản thuần có gốc USD	(506.059,93)	(859.640,91)

Tài sản thuần có gốc EUR của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.231,98	3.231,86
Phải trả người bán	(909.144,00)	-
Tài sản thuần có gốc USD	(905.912,02)	3.231,86

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.104.341.981	-	28.403.922.698	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	37.027.459.622	(272.779.622)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.486.290.756	-	18.312.733.578	-
Phải thu khách hàng	111.066.403.613	(9.450.419.883)	139.997.802.439	(14.715.926.356)
Các khoản phải thu khác	2.424.879.691	-	1.053.899.517	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	214.081.916.041	(9.450.419.883)	248.795.817.854	(14.988.705.978)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	83.503.181.647	90.521.287.379
Các khoản phải trả khác	10.001.249.657	14.329.839.165
Cộng	93.504.431.304	104.851.126.544

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 08 tháng 3 năm 2021 Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh cho Ông Trần Văn Cảnh với giá chuyển nhượng là 13.260.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

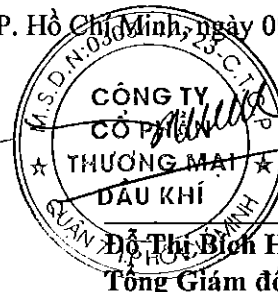
5. Thông tin khác

Tình hình doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 của Công ty giảm so với năm trước do bị ảnh hưởng của dịch bệnh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá; thuốc lá; thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Môi giới hàng hải;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Đại lý vận tải biển;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, giám sát thi công);
- Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gôm, sứ thủ công, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;
- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn – nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0294/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 33.345.000.000 VND đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

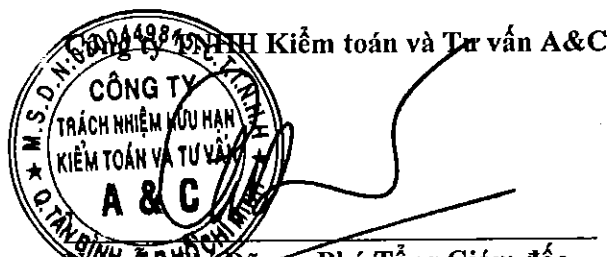
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa ghi nhận chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hóa hơi dưới áp lực không khí do Dự án này không được phê duyệt quyết toán. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 93/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí, chi phí này được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm từ năm 2017 đến năm 2019. Nếu Công ty hạch toán đúng theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, số năm trước của chỉ tiêu “Chi phí khác” (mã số 32) sẽ giảm và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) sẽ tăng với cùng một số tiền là 1.549.572.606 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên công ty này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 26 tháng 3 năm 2020 với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, tính đúng kỳ của chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển và chưa ghi nhận chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời bằng công nghệ hóa hơi dưới áp lực không khí vào chi phí năm 2015 mà phân bổ dần vào chi phí trong 3 năm (từ năm 2017 đến năm 2019).



Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.433.357.155	362.315.755.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	62.827.678.380	35.827.966.381
1. Tiền	111		25.352.583.037	9.815.635.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.475.095.343	26.012.331.010
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.786.290.756	84.379.303.989
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	37.027.459.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(272.779.622)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	45.786.290.756	47.624.623.989
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.781.405.406	218.075.235.853
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	155.840.991.076	211.967.589.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	25.686.032.505	18.816.613.281
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	13.512.206.317	4.662.116.227
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.257.824.492)	(17.371.083.089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		37.738.520.099	22.987.189.351
1. Hàng tồn kho	141	V.7	37.738.520.099	23.601.453.261
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	(614.263.910)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.299.462.514	1.046.060.410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	260.839.269	311.411.883
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.958.973.152	621.101.463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	79.650.093	113.547.064
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.173.922.134	101.122.819.058
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		66.174.000	19.635.297.060
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	8.972.453.160
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	66.174.000	10.662.843.900
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.936.803.615	54.794.597.395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	54.349.694.912	45.193.522.240
- Nguyên giá	222		84.485.311.381	73.523.142.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.135.616.469)	(28.329.620.250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.587.108.703	9.601.075.155
- Nguyên giá	228		10.119.293.710	10.119.293.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(532.185.007)	(518.218.555)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.170.944.519	2.692.924.603
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.791.267.950	848.609.459
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	27.630.920
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	1.379.676.569	1.816.684.224
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.607.279.289	463.438.575.042

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		179.711.763.534	215.865.870.597
I. Nợ ngắn hạn	310		158.456.915.634	166.683.500.799
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a, c	128.979.729.504	130.221.011.330
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.763.500.000	10.892.586.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	987.809.401	2.700.625.054
4. Phải trả người lao động	314		2.685.787.576	3.548.772.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.915.285.118	5.982.933.380
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	685.036.655
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	9.755.318.567	12.513.740.120
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	369.485.468	138.795.025
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.254.847.900	49.182.369.798
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b, c	21.254.847.900	33.912.369.798
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	15.270.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.895.515.755	247.572.704.445
I. Vốn chủ sở hữu	410		243.895.515.755	247.572.704.445
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a,b,c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	35.799.901.087	35.799.901.087
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	(24.366.011.883)	(22.572.141.889)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.832.142.284)	(22.572.141.889)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.533.869.599)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		32.461.626.551	34.344.945.247
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.607.279.289	463.438.575.042

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


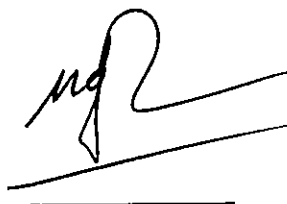
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	409.009.422.872	616.958.452.347
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		409.009.422.872	616.958.452.347
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	376.268.968.155	573.678.515.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.740.454.717	43.279.936.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.727.306.315	5.426.955.177
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.182.990.609	(4.375.038.223)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		477.024.508	197.273.357
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	(2.267.270.399)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.269.829.578	14.287.674.357
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.884.915.178	30.596.016.730
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		130.025.667	5.930.968.366
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.018.777.326	2.649.420.436
13. Chi phí khác	32		879.579.742	2.434.578.116
14. Lợi nhuận khác	40		139.197.584	214.842.320
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		269.223.251	6.145.810.686
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.021.633.374	2.017.580.554
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		27.630.920	(17.994.575)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(780.041.043)</u>	<u>4.146.224.707</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(1.533.869.599)</u>	<u>1.343.545.310</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>753.828.556</u>	<u>2.802.679.397</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a, b	<u>(77)</u>	<u>57</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7a, b	<u>(77)</u>	<u>57</u>


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

N.03
C
TRÁCI
KIỂM
V BÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		269.223.251	6.145.810.686
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10, 11	2.813.975.894	2.791.112.566
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 6, 7	(5.000.302.129)	(4.220.411.113)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.376.630.001	(19.998.442)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(4.639.205.992)	(1.953.427.886)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	477.024.508	197.273.357
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.702.654.467)	2.940.359.168
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		57.544.422.763	(54.817.589.524)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.137.066.838)	35.529.063.033
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(37.242.514.336)	(16.851.844.894)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.892.085.877)	796.274.856
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	37.027.459.622	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(477.024.508)	(197.273.357)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.112.586.832)	(1.489.727.115)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(170.525.000)	(209.484.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.837.424.527	(34.300.222.543)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(11.519.174.459)	(289.835.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	40.000.000	450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.173.557.178)	(26.600.352.397)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.011.890.411	16.064.190.394
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	4.726.393.601	4.953.746.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.914.447.624)	(5.422.250.361)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	14.886.789.436	4.097.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(14.886.789.436)	(4.097.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 19a	(1.929.185.381)	(1.552.976.490)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.929.185.381)</i>	<i>(1.552.976.490)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.993.791.522	(41.275.449.394)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.827.966.381	77.105.852.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.920.477	(2.436.256)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>62.827.678.380</u>	<u>35.827.966.381</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Ô 1, ấp Bắc, xã Hòa Long, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh hóa chất, phụ gia xăng, dầu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	51,85%	51,85%	51,85%	51,85%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 133 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 154 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa các công ty trong Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là: chi phí sửa chữa, bảo trì; chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí tiền thuê đất, thuê văn phòng trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa, bảo trì

Chi phí sửa chữa, bảo trì phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho việc bảo trì các tòa nhà, văn phòng đang thuê. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê đất, thuê văn phòng trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất, thuê văn phòng đã trả và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lô đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120

Tập đoàn không trích khấu hao giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 vì không có thời hạn.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	376.703.612	429.009.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	24.975.879.425	9.386.626.275
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱⁱ⁾	37.475.095.343	26.012.331.010
Cộng	<u>62.827.678.380</u>	<u>35.827.966.381</u>

(i) Trong đó, khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 136.394.761 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 41.022.029 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Các khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3% - 4,0%/năm (lãi suất năm trước từ 4,3% - 5,5%/năm). Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 24.036.890.586 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (VJC)	-	-	-	37.027.459.622	36.754.680.000	(272.779.622)
Cộng	-	-	-	<u>37.027.459.622</u>	<u>36.754.680.000</u>	<u>(272.779.622)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	272.779.622	6.859.459.622
Hoàn nhập dự phòng	(272.779.622)	(6.586.680.000)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>272.779.622</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,0% - 5,8%/năm (lãi suất năm trước từ 5,5% - 6,4%/năm).

Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 7.856.306.563 VND đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17).
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.900.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.900.000.000 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ	5,50%	5,50%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,00%	2,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,14%	2,14%

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	84.190.000	37.635.910.271
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.387.278.531	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	12.715.994.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	12.296.957.400	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	33.245.000.000	33.345.000.000
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	-	17.797.336.113
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	1.121.695.265	13.865.116.682
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	8.069.406.822	13.689.474.909
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	2.393.133.694	37.497.230.811
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	15.273.253.160	9.711.606.960
Các khách hàng khác	43.254.081.708	48.425.913.688
Cộng	155.840.991.076	211.967.589.434

- (i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	9.075.761.748	5.444.529.678
Công ty TNHH Năng lượng NMT	4.042.469.344	3.923.502.100
Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ AZ Việt	3.744.523.200	-
Các nhà cung cấp khác	1.050.222.146	1.675.525.436
Cộng	25.686.032.505	18.816.613.281

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) - phải thu ký quỹ	-	-	25.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - chi phí dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời	1.646.068.395	1.152.247.876	1.646.068.395	-
Tạm ứng	506.004.798	-	656.088.790	-
Các khoản ký quỹ	8.332.902.530	-	829.666.360	-
Lãi dự thu	1.116.269.301	-	1.243.456.910	-
Phải thu khác	1.910.961.293	-	261.835.772	-
Cộng	13.512.206.317	1.152.247.876	4.662.116.227	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo - ký quỹ hợp đồng làm tổng đại lý hàng hóa	-	-	10.500.000.000	-
Các khoản ký quỹ khác	66.174.000	-	162.843.900	-
Cộng	66.174.000	-	10.662.843.900	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.673.326	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.298.994	7.589.698	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.298.994	12.649.488
	Trên 3 năm	894.869.317	-	Trên 3 năm	894.869.317	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	5.724.950.840	425.077.308
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Trên 3 năm	1.864.410.133	-	Trên 3 năm	1.864.410.133	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconec PVC	Trên 3 năm	790.746.600	-	Trên 3 năm	790.746.600	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	Trên 3 năm	1.646.068.395	493.820.519	Trên 3 năm	1.646.068.395	1.646.068.395
Công ty Cổ phần phân bón đầu khí Cà Mau (PVCFC)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	98.129.900	68.690.930	-	-	-
Cộng		47.072.925.639	33.815.101.147		52.699.878.280	35.328.795.191

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.371.083.089	15.311.946.157
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(4.113.258.597)	2.059.136.932
Số cuối năm	13.257.824.492	17.371.083.089

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.939.869.787	-	17.885.455.128	(614.263.910)
Chi phí dở dang cho các công trình:	272.506.177	-	5.715.998.133	-
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh	-	-	283.897.470	-
- Dịch vụ hàng không	-	-	2.124.200.000	-
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	-	-	1.045.454.545	-
- Cung cấp thiết bị Booster Compressor Package	-	-	2.092.500.000	-
- Các dự án khác	272.506.177	-	169.946.118	-
Hàng gửi đi bán	29.526.144.135	-	-	-
Cộng	37.738.520.099	-	23.601.453.261	(614.263.910)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	614.263.910	307.131.955
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	(614.263.910)	307.131.955
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>614.263.910</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất, văn phòng	37.633.333	234.146.883
Chi phí bảo hiểm	76.572.603	77.265.000
Chi phí sửa chữa, bảo trì	146.633.333	-
Cộng	<u>260.839.269</u>	<u>311.411.883</u>

8b. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất, văn phòng	126.932.680	61.637.618
Chi phí sửa chữa, bảo trì	2.355.325.416	673.455.337
Chi phí công cụ, dụng cụ	33.883.505	52.557.014
Chi phí khác	275.126.349	60.959.490
Cộng	<u>2.791.267.950</u>	<u>848.609.459</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.122.264.980	6.863.822.822	3.635.390.001	1.728.850.583	172.814.104	73.523.142.490
Mua trong năm	10.343.912.909	36.363.636	-	-	1.138.897.914	11.519.174.459
Thanh lý, nhượng bán	-	(557.005.568)	-	-	-	(557.005.568)
Số cuối năm	<u>71.466.177.889</u>	<u>6.343.180.890</u>	<u>3.635.390.001</u>	<u>1.728.850.583</u>	<u>1.311.712.018</u>	<u>84.485.311.381</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	5.915.047.059	3.635.390.001	1.728.850.583	172.814.104	13.247.692.898
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	16.341.070.806	6.559.092.154	3.527.792.603	1.728.850.583	172.814.104	28.329.620.250
Khấu hao trong năm	2.059.863.532	157.577.593	107.597.398	-	37.963.264	2.363.001.787
Thanh lý, nhượng bán	-	(557.005.568)	-	-	-	(557.005.568)
Số cuối năm	<u>18.400.934.338</u>	<u>6.159.664.179</u>	<u>3.635.390.001</u>	<u>1.728.850.583</u>	<u>210.777.368</u>	<u>30.135.616.469</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	44.781.194.174	304.730.668	107.597.398	-	-	45.193.522.240
Số cuối năm	<u>53.065.243.551</u>	<u>183.516.711</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.100.934.650</u>	<u>54.349.694.912</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.180.000.000	433.135.660	7.506.158.050	10.119.293.710
Số cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>433.135.660</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>10.119.293.710</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	433.135.660	-	433.135.660
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	85.082.895	433.135.660	-	518.218.555
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	-	13.966.452
Số cuối năm	<u>99.049.347</u>	<u>433.135.660</u>	<u>-</u>	<u>532.185.007</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.094.917.105	-	7.506.158.050	9.601.075.155
Số cuối năm	<u>2.080.950.653</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.587.108.703</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.365.982.774	2.004.093.775	4.370.076.549
Số cuối năm	<u>2.365.982.774</u>	<u>2.004.093.775</u>	<u>4.370.076.549</u>
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	1.735.054.033	818.338.292	2.553.392.325
Phân bổ trong năm	236.598.277	200.409.378	437.007.655
Số cuối năm	<u>1.971.652.310</u>	<u>1.018.747.670</u>	<u>2.990.399.980</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	630.928.741	1.185.755.483	1.816.684.224
Số cuối năm	<u>394.330.464</u>	<u>985.346.105</u>	<u>1.379.676.569</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	3.864.517.800	7.914.512.516
Technical America Inc.	12.465.460.000	21.641.040.000
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	-	25.612.598.314
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	-	4.648.222.610
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	15.030.796.096	9.517.374.820
Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	12.210.367.206	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Nguyễn	32.555.464.981	40.789.773.268
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech	5.922.503.254	-
SJ Solar + Storage Pte., Ltd.	26.012.428.128	-
Các nhà cung cấp khác	20.918.192.039	20.097.489.802
Cộng	<u>128.979.729.504</u>	<u>130.221.011.330</u>

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) ⁽ⁱ⁾	21.254.847.900	25.119.365.700
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	-	8.793.004.098
Cộng	<u>21.254.847.900</u>	<u>33.912.369.798</u>

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.864.517.800	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	15.458.071.200	15.458.071.200
Trên 5 năm	5.796.776.700	9.661.294.500
Cộng	<u>25.119.365.700</u>	<u>28.983.883.500</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	<u>21.254.847.900</u>	<u>25.119.365.700</u>

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	9.430.000.000	5.658.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	-	4.380.101.000
Các khách hàng khác	333.500.000	854.485.862
Cộng	<u>9.763.500.000</u>	<u>10.892.586.862</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	300.291.713	-	2.453.049.006	(2.510.212.812)	322.778.000	79.650.093
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.987.619.567	(2.987.619.567)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	602.188.167	(602.188.167)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.578.425.897	113.547.064	1.021.633.374	(2.112.586.832)	373.925.375	-
Thuế thu nhập cá nhân	821.907.444	-	957.945.649	(1.488.747.067)	291.106.026	-
Các loại thuế khác	-	-	323.877.722	(323.877.722)	-	-
Cộng	<u>2.700.625.054</u>	<u>113.547.064</u>	<u>8.346.313.485</u>	<u>(10.025.232.167)</u>	<u>987.809.401</u>	<u>79.650.093</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	138.959.598	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	136.052.851	873.448.525
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	746.620.925	1.144.132.029
Cộng	<u>1.021.633.374</u>	<u>2.017.580.554</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Khoản lỗ tính thuế của các công ty trong Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	36.894.394.089
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	1.801.439.146
Cộng	<u>38.695.833.235</u>

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án PVEP	3.656.930.000	-
Chi phí mua hóa chất Kim Ngưu	-	1.006.348.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	732.152.964	-
Hợp đồng điện lực Cà Mau	-	3.566.820.000
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	209.610.000
Chi phí phải trả khác	936.755.674	820.318.100
Cộng	<u>5.915.285.118</u>	<u>5.982.933.380</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	2.648.683.387	3.779.787.335
Cổ tức phải trả	5.849.125.700	5.387.192.700
Kinh phí công đoàn	244.520.320	273.489.729
Bảo hiểm xã hội	1.090.302	404.270.544
Bảo hiểm y tế	-	44.237.616
Bảo hiểm thất nghiệp	-	23.977.750
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo – phải trả cước vận chuyển hàng hóa	-	2.124.200.000
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	650.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	361.898.858	476.581.476
Cộng	<u>9.755.318.567</u>	<u>12.513.740.120</u>

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

Trong năm Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động và đã tất toán các khoản vay này vào cuối năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.1 và V.2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	14.886.789.436
Số tiền vay đã trả	(14.886.789.436)
Số cuối năm	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	138.795.025	246.877.608
Trích bổ sung từ lợi nhuận	401.215.443	101.402.127
Chi quỹ trong năm	(170.525.000)	(209.484.710)
Số cuối năm	<u>369.485.468</u>	<u>138.795.025</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	200.000.000.000	35.743.925.706	(23.724.724.402)	33.014.134.408	245.033.335.712
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.343.545.310	2.802.679.397	4.146.224.707
Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm trước	-	55.975.381	(55.975.381)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(101.402.127)	202.804.254	101.402.127
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm trước	-	-	(33.585.289)	(331.037.762)	(364.623.051)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(1.343.635.050)	(1.343.635.050)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.799.901.087	(22.572.141.889)	34.344.945.247	247.572.704.445
Số đầu năm nay	200.000.000.000	35.799.901.087	(22.572.141.889)	34.344.945.247	247.572.704.445
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(1.533.869.599)	753.828.556	(780.041.043)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(206.545.345)	(194.670.098)	(401.215.443)
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm nay	-	-	(53.455.050)	(51.358.773)	(104.813.823)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(2.391.118.381)	(2.391.118.381)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.799.901.087	(24.366.011.883)	32.461.626.551	243.895.515.755

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	40.000.000.000	20,0	40.000.000.000	20,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	12.673,57	17.964,59
Euro (EUR)	3.231,98	3.231,86

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán chất phụ gia xăng, dầu	108.244.040.452	298.873.424.047
Doanh thu bán hàng hóa	152.403.142.404	175.105.873.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	148.362.240.016	142.979.154.385
Cộng	<u>409.009.422.872</u>	<u>616.958.452.347</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Dầu Việt Nam với số tiền là 39.913.032.727 VND (năm trước là 26.932.458.545 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn chất phụ gia xăng, dầu đã bán	107.100.860.675	291.469.163.968
Giá vốn của hàng hóa đã bán	139.635.203.340	164.699.255.042
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	129.532.904.140	117.510.096.885
Cộng	<u>376.268.968.155</u>	<u>573.678.515.895</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.229.205.992	4.933.870.251
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	124.339.945	86.685.844
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.998.442
Cổ tức, lợi nhuận được chia	370.000.000	386.400.640
Doanh thu khác	3.760.378	-
Cộng	<u>4.727.306.315</u>	<u>5.426.955.177</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	477.024.508	197.273.357
Lãi trả chậm	1.526.510.447	1.803.874.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	75.605.275	210.493.431
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.376.630.001	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(272.779.622)	(6.586.680.000)
Cộng	<u>3.182.990.609</u>	<u>(4.375.038.223)</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.861.227.455	8.669.950.658
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.401.668	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.649.251	40.270.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.693.900	1.369.506.764
Các chi phí khác	2.854.857.304	4.207.946.504
Cộng	<u>12.269.829.578</u>	<u>14.287.674.357</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.729.431.831	14.731.001.206
Chi phí đồ dùng văn phòng	293.365.518	417.883.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.201.489.638	1.217.733.198
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(4.113.258.597)	2.059.136.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.285.078.302	7.171.842.708
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	437.007.655	437.007.655
Các chi phí khác	5.051.800.831	4.561.411.129
Cộng	<u>21.884.915.178</u>	<u>30.596.016.730</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	40.000.000	450.000.000
Các khoản thu nhập khác	978.777.326	2.199.420.436
Cộng	<u>1.018.777.326</u>	<u>2.649.420.436</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(1.533.869.599)	1.343.545.310
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	(206.545.422)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.533.869.599)	1.136.999.888
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(77)</u>	<u>57</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	264.086.895.066	453.595.984.251
Chi phí nhân công	31.735.452.140	32.827.941.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.813.975.894	2.791.112.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.280.895.721	113.126.307.486
Chi phí khác	11.427.683.509	16.220.861.232
Cộng	<u>430.344.902.330</u>	<u>618.562.206.982</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn đã trả nợ mua tài sản cố định bằng cách cản trừ công nợ phải trả tiền mua tài sản cố định với khoản phải thu trị giá 4.049.994.716 VND (năm trước là 6.842.368.227 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 850.780.000 VND (năm trước là 630.586.134 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh thêm giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	3.218.181.818	11.551.818.182
Lãi trả chậm	1.526.510.447	2.250.045.891

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12a, V.12b và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn và do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ: kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.
- Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng dầu: sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng, dầu.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng, dầu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	300.765.382.420	108.244.040.452	409.009.422.872
Giá vốn	269.168.107.480	107.100.860.675	376.268.968.155
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.597.274.940	1.143.179.777	32.740.454.717
Chi phí bán hàng không phân bổ theo bộ phận			(12.269.829.578)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ theo bộ phận			(21.884.915.178)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.414.290.039)
Doanh thu hoạt động tài chính			4.727.306.315
Chi phí tài chính			(3.182.990.609)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-
Thu nhập khác			1.018.777.326
Chi phí khác			(879.579.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.021.633.374)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(27.630.920)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(780.041.043)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	13.393.832.439	-	13.393.832.439
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.465.350.241	1.057.784.346	2.523.134.587
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(4.113.258.597)	-	(4.113.258.597)
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	318.085.028.300	298.873.424.047	616.958.452.347
Giá vốn	282.209.351.927	291.469.163.968	573.678.515.895
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.875.676.373	7.404.260.079	43.279.936.452

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng, dầu	Cộng
Chi phí bán hàng không phân bổ theo bộ phận			(14.287.674.357)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ theo bộ phận			<u>(30.596.016.730)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.603.754.635)
Doanh thu hoạt động tài chính			5.426.955.177
Chi phí tài chính			4.375.038.223
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			(2.267.270.399)
Thu nhập khác			2.649.420.436
Chi phí khác			(2.434.578.116)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.017.580.554)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			17.994.575
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>4.146.224.707</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>1.323.021.783</u>	<u>1.071.078.780</u>	<u>2.394.100.563</u>
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	<u>2.059.136.932</u>	<u>-</u>	<u>2.059.136.932</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng dầu	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	370.330.574.452	53.276.704.837	<u>423.607.279.289</u>
Tổng tài sản			<u>423.607.279.289</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	146.124.212.119	33.587.551.415	<u>179.711.763.534</u>
Tổng nợ phải trả			<u>179.711.763.534</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	396.976.784.151	66.461.790.891	<u>463.438.575.042</u>
Tổng tài sản			<u>463.438.575.042</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	174.379.726.375	41.486.144.222	<u>215.865.870.597</u>
Tổng nợ phải trả			<u>215.865.870.597</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là phù hợp với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu năm trước của một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Khấu hao tài sản cố định	02	2.354.104.911	437.007.655	2.791.112.566	(i)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.220.698.285)	2.267.270.399	(1.953.427.886)	(ii)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	236.081.114	2.704.278.054	2.940.359.168	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(54.380.581.869)	(437.007.655)	(54.817.589.524)	(i)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(14.584.574.495)	(2.267.270.399)	(16.851.844.894)	(ii)

(i) Trình bày lại khoản phân bổ lợi thế thương mại vào chỉ tiêu “Khấu hao tài sản cố định”.

(ii) Trình bày lại khoản lỗ trong công ty liên kết vào chỉ tiêu “Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư”.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.827.678.380	-	62.827.678.380
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.786.290.756	-	45.786.290.756
Phải thu khách hàng	110.414.133.832	45.426.857.244	155.840.991.076
Các khoản phải thu khác	3.027.230.594	1.646.068.395	4.673.298.989
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	246.055.333.562	47.072.925.639	293.128.259.201
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.827.966.381	-	35.827.966.381
Chứng khoán kinh doanh	37.027.459.622	-	37.027.459.622
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.624.623.989	-	47.624.623.989
Phải thu khách hàng	169.886.232.709	51.053.809.885	220.940.042.594
Các khoản phải thu khác	1.505.292.682	1.646.068.395	3.151.361.077
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	315.871.575.383	52.699.878.280	368.571.453.663

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	128.979.729.504	15.458.071.200	5.796.776.700	150.234.577.404
Các khoản phải trả khác	15.355.594.842	-	-	15.355.594.842
Cộng	144.335.324.346	15.458.071.200	5.796.776.700	165.590.172.246
Số đầu năm				
Phải trả người bán	139.014.015.428	15.458.071.200	9.661.294.500	164.133.381.128
Các khoản phải trả khác	15.623.756.941	-	-	15.623.756.941
Cộng	154.637.772.369	15.458.071.200	9.661.294.500	179.757.138.069

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.673,57	17.964,59
Phải thu khách hàng	22.439,00	54.394,50
Phải trả người bán	(541.172,50)	(932.000,00)
Tài sản thuần có gốc USD	(506.059,93)	(859.640,91)

Tài sản thuần có gốc EUR của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.231,98	3.231,86
Phải trả người bán	(909.144,00)	-
Tài sản thuần có gốc USD	(905.912,02)	3.231,86

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.827.678.380	-	35.827.966.381	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	37.027.459.622	(272.779.622)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.786.290.756	-	47.624.623.989	-
Phải thu khách hàng	155.840.991.076	(12.105.576.616)	220.940.042.594	(17.371.083.089)
Các khoản phải thu khác	4.673.298.989	(1.152.247.876)	3.151.361.077	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	293.128.259.201	(13.257.824.492)	368.571.453.663	(17.643.862.711)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	150.234.577.404	164.133.381.128
Các khoản phải trả khác	15.355.594.842	15.623.756.941
Cộng	165.590.172.246	179.757.138.069

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

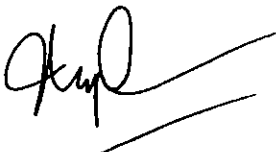
6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 08 tháng 3 năm 2021 Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh cho Ông Trần Văn Cảnh với giá chuyển nhượng là 13.260.000.000 VND.


Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

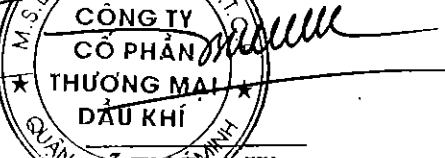
7. Thông tin khác

Tình hình doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 của Tập đoàn giảm so với năm trước do bị ảnh hưởng của dịch bệnh.


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

